TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 16/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 02 - 2020
Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán – chủ Tọa phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Mộng Thúy
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Ghên
2. Ông La Văn Việt

-Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thanh Tú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, Tỉnh Long an.

Ngày 17 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 1209/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2020/QĐXX- ST ngày 07 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Ngọc Th, sinh năm 1986 (vắng mặt). Địa chỉ: Ấp BH 2, xã ĐHT, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Lê Quốc H, sinh năm 1983 (vắng mặt). Địa chỉ: Ấp TH 1, xã HKN, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc Th trình bày theo đơn khởi kiện như sau:

Về hôn nhân: Bà và ông Lê Quốc H trước khi kết hôn có tìm hiểu nhau thời gian khoảng 03 tháng sau đó mới tiến đến hôn nhân vào năm 2012, hai người có đến Ủy ban nhân dân xã Đức Hòa Thượng, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 04/9/2012. Trong quá trình chung sống hai vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn cãi vã do hai người không hợp nhau, xúc phạm nhau. Mặc dù bà có khuyên can nhiều lần nhưng ông H vẫn không thay đổi tính tình. Bà và ông H đã ly thân từ 03 năm nay. Cả hai không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình. Nay bà kiên quyết xin được ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà và ông H hiện có 01 con chung tên Lê Minh H sinh ngày 14/6/2013 hiện do bà đang nuôi. Khi ly hôn bà xin tiếp tục nuôi con và không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn: Ông Lê Quốc H thống nhất lời trình bày của bà Th về tình trạng hôn nhân, con chung, tài sản và nợ chung. Ông đồng ý ly hôn đồng ý giao con cho bà Th nuôi, ông không cấp dưỡng. Ông H xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp là hôn nhân gia đình, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Đức Hoà theo quy định tại Điều 35 Bộ luật dân sự. Bà Th và ông H có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông bà.

[2] Về hôn nhân: Xét thấy bà Th và ông H hai người trước khi kết hôn có tìm hiểu nhau thời gian khoảng 03 tháng và tự nguyện kết hôn vào năm 2012 có đăng ký kết hôn nên Hôn nhân của ông bà là phù hợp Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Thấy rằng từ khi chung sống với nhau, hai người chỉ hạnh phúc thời gian đầu về sau cuộc sống chung không hợp nhau, thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau… Từ đó hai người đã ly thân từ tháng 11 năm 2019 đến nay cả hai không có thiện chí hàn gắn. Bà Th kiên quyết ly hôn ông H. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông H và bà Th đến dự hòa giải đoàn tụ nhưng ông bà có đơn yêu cầu không hòa giải và xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Th và ông H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần cho bà Lê Thị Ngọc Th được ly hôn với ông H theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: hai người có 01 con chung tên Lê Minh H sinh ngày 14/6/2013 hiện do bà Th đang nuôi. Khi ly hôn cần để bà Th tiếp tục nuôi con, bà Th không yêu cầu ông H cấp dưỡng nên không đề cập xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà Th khai không có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà Th khai không có nên không đề cập xem xét.

[6] Về án phí: Bà Th là nguyên đơn trong vụ án phải chịu án phí Hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 35, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Ngọc Th được ly hôn với ông Lê Quốc H.

2/ Về con chung: Bà Lê Thị Ngọc Th được tiếp tục nuôi con chung tên Lê Minh H sinh ngày 14/6/2013. Ông H không cấp dưỡng nuôi con vì bà Th không yêu cầu.Vì quyền lợi của trẻ, ông H được quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản. Khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về án phí: Bà Lê Thị Ngọc Th phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước, được khấu trừ số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà Th đã nộp theo biên lai số 4162 ngày 05/12/2019 tại Chi cục thi hành án huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Mộng Thúy

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-TAND Tỉnh Long An;
-VKSND huyện Đức Hòa;
-Chi cục THA huyện Đức Hòa;
-UBND xã Hòa Khánh Nam.
-Lưu.